TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thụy;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Vĩnh T, sinh năm 1984; Chủ cửa hàng K, địa chỉ: số A, Lê L, khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trịnh Vĩnh T là: ông Phạm Trung B, sinh năm 2001; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2024); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ngọc P, sinh năm 1975; địa chỉ:ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Trịnh Vĩnh T trình bày: Do quen biết với bà Phạm Thị Ngọc P1 nên vào ngày 18/07/2024 tại cửa

hàng K, ông T có bản cho bà N Phường xe đạp điện với kiểu dáng N1 xám xi măng theo hình thức trả góp với giá trị 8.500.000 đồng, sau khi đưa trước 1.000.000 đồng thì số tiền còn lại cụ thể là 7.500.000 đồng bà Ngọc P1 đề nghị được trả góp hàng tháng. Cụ thể thời gian cho nợ trả góp là 5 tháng, số tiên trả hàng tháng góp là 1.500.000 đồng/tháng. Theo đó, bà Ngọc P trả cho ông T được 700.000 đồng vào tháng góp đầu tiên tuy bà không đưa đủ số tiền 1.500.000 đồng như hai bên đã thỏa thuận nhưng ông T vẫn đồng ý để bà góp bù vào tháng tiếp theo. Nhưng kể từ ngày 18/8/2024 thì bà Ngọc P không trả góp nữa như lời đã hứa, mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ bà N Phường yêu cầu trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Hiện cho đến nay sau nhiều lần đòi tiền không thành bà Ngọc P vẫn còn nợ ông T số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Do đó, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xem xét, giải quyết buộc bà Phạm Thị Ngọc P có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 18/8/2024 cho đến khi vụ án được xét xử. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu nào khác.Trong quá trình giải quyết nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất. Chỉ yêu cầu bà P trả số tiền còn nợ là 6.800.000đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Ngọc P không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xứ căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Vĩnh T; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Vĩnh T về phần lãi suất; Buộc bà Phạm Thị Ngọc P trả ông Trịnh Vĩnh T số tiền 6.800.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Vĩnh T khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dân sự với bà Phạm Thị Ngọc P. Bà P có nơi cư trú trên địa bàn huyện C. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[2] Bà Phạm Thị Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn kiện, ông T yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 18/8/2024 cho đến khi vụ án được xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi nên Tòa án cần đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4] Ông Trịnh Vĩnh T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc P trả số tiền mua xe đạp điện, số tiền còn nợ 6.800.000đồng. Căn cứ khởi kiện là Phiếu giao hàng ngày 18/7/2024, đã có cơ sở xác định giao dịch này là hợp đồng dân sự, theo hợp đồng, các bên đã tự nguyện giao kết, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự, cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do bà P vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự qua đối chiếu chứng cứ, đề nghị của Viện kiển sát là có căn cứ cho nên việc khởi kiện của ông T đòi bà P trả tiền còn thiếu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 26, 35, 39, 217, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Vĩnh T và xử như sau:

1) Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Vĩnh T đối với phần yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 18/8/2024 cho đến khi vụ án được xét xử.

2) Buộc bà Phạm Thị Ngọc P có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Vĩnh T số tiền 6.800.000đồng (Bằng chữ: Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

3) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4) Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Vĩnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Trịnh Vĩnh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0024172 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Bà Phạm Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 340.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hùng